

Vai trò của quá trình chính thức hóa đối với kết quả đổi mới sáng tạo sản phẩm của doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ tại Việt Nam

Trương Đức Thao*

Nhận ngày 10 tháng 4 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 5 năm 2022.

Tóm tắt: Nghiên cứu này lần đầu tiên đánh giá vai trò của quá trình chính thức hóa đối với hoạt động đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở khu vực tư nhân tại Việt Nam. Theo đó, tác giả sử dụng dữ liệu từ các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) tư nhân ở Việt Nam trong các năm 2011, 2013 và 2015. Bộ dữ liệu này do trường Đại học Liên Hợp Quốc (UNU) điều tra. Dữ liệu được xử lý trên phần mềm Stata, và bằng phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính (OLS). Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, việc cải thiện tình trạng của doanh nghiệp từ phi chính thức sang chính thức có tác dụng thúc đẩy đáng kể đối với kết quả hoạt động đổi mới sáng tạo tổng thể, cũng như từng loại hình đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ ở Việt Nam.

Từ khóa: Doanh nghiệp vừa và nhỏ, chính thức hóa, đổi mới sáng tạo, kết quả đổi mới sáng tạo, hoạt động đổi mới sáng tạo.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: This study assesses for the first time the role of formalization in the innovation activities of small and medium-sized enterprises in the private sector in Vietnam. Accordingly, the author uses data from private small and medium enterprises (SMEs) in Vietnam in 2011, 2013 and 2015. This dataset was conducted by the United Nations University (UNU). Data were processed on Stata software, and by Ordinary Least Square (OLS). Research results show that improving the status of enterprises from non-formal to formal has a significant boost to the overall innovation performance, as well as each type of innovation of private small and medium enterprises in Vietnam.

Keywords: Small and medium enterprises, formalization, innovation, innovation results, innovation activities.

Subject classification: Economics

*Trường Đại học Đại Nam.
Email: thaotd@dainam.edu.vn

1. Mở đầu

Đổi mới sáng tạo đang ngày càng trở nên quan trọng đối với lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp ra đời sau, quy mô vốn thấp... Có hai cách tiếp cận nghiên cứu về đổi mới sáng tạo là: (1) coi đổi mới sáng tạo như một quá trình; và quan điểm còn lại là (2) coi đổi mới sáng tạo như một kết quả (Crossan & Apaydin, 2010). Đổi mới sáng tạo như là một quá trình liên quan đến câu hỏi “như thế nào”, trong khi đổi mới sáng tạo như một kết quả liên quan đến khía cạnh “cái gì”. Đổi mới sáng tạo như một quá trình xem xét nơi diễn ra quá trình đổi mới, các động lực bên trong và bên ngoài cho sự đổi mới sáng tạo (ví dụ: sự sẵn có của các nguồn lực và kiến thức, cơ hội thị trường, tuân thủ một tiêu chuẩn mới), và nguồn lực cho sự đổi mới sáng tạo (bên trong và bên ngoài) là gì. Trong khi đó, đổi mới sáng tạo như là kết quả tập trung vào các loại đổi mới sáng tạo (sản phẩm, quá trình, tổ chức và marketing), mức độ đổi mới sáng tạo (tăng cường hoặc nâng cao), và người giới thiệu (công ty, thị trường, ngành công nghiệp) sử dụng để đánh giá mức độ mới lạ. Mặc dù đổi mới sáng tạo như một quá trình diễn ra trước đổi mới sáng tạo như một kết quả, nhưng cho đến nay khía cạnh này vẫn nhận được ít sự quan tâm hơn các vấn đề khác (Crossan & Apaydin, 2010). Nhâm Phong Tuân (2016) khẳng định, nói đến đổi mới sáng tạo là nói đến các hoạt động đổi mới sáng tạo (sản phẩm, quy trình, marketing, tổ chức) và kết quả của các hoạt động đổi mới đó trong tổ chức. Đổi mới sáng tạo tạo ra lợi thế cạnh tranh khác biệt cho doanh nghiệp. Điều này đặc biệt đã được kiểm chứng bằng sự thành công của nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ tại các quốc gia đang phát triển như Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến kết quả đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp, chẳng hạn như, vai trò của vốn tri thức (Prajogo & Ahmed, 2006), quản trị vốn tri thức (Jassawalla & Sashittal, 1998; Subramaniamand & Youndt, 2005), hay mới đây là vai trò của chính thức hóa doanh nghiệp (Thao & Phuong, 2022)... Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng nội hàm kết quả đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp thông qua ba biểu hiện của nó là, (1) đổi mới sáng tạo sản phẩm (hoạt động giới thiệu sản phẩm mới (Cải tiến 1); (2) thực hiện nâng cấp sản phẩm (Cải tiến 2); và (3) thực hiện nâng cấp quy trình (Cải tiến 3); và (4) công nghệ sản xuất (Cải tiến 4).

“Chính thức hóa doanh nghiệp” là một thuật ngữ được nhắc đến nhiều trong vài năm gần đây ở Việt Nam, nhất là từ 2016, khi phong trào khởi nghiệp đang diễn ra ở khắp các địa phương trên cả nước, hàng loạt các hoạt động đào tạo, tư vấn đã được triển khai ở các địa phương nhằm hướng dẫn các hộ kinh doanh chuyển đổi từ hình thức kinh doanh hộ gia đình (phi chính thức) thành doanh nghiệp (chính thức hóa) (Thao & Phuong, 2022). Thực tế cho thấy, nhiều chủ thể kinh doanh không muốn chính thức hóa hoạt động của mình vì tin rằng không chính thức hóa thì quy mô kinh doanh của họ vẫn tốt, không phải đóng bảo hiểm cho người lao động, không rườm rà về thuế..., bên cạnh đó, nếu chính thức hóa sẽ dẫn đến tăng các chi phí liên quan đến đăng ký, thanh toán thuế và bảo hiểm cho nhân viên... Do đó, một số lượng lớn doanh nghiệp vẫn chưa tiến hành đăng ký (Cling, Razafindrakoto, & Roubaud, 2012). Tuy nhiên, việc chính thức hóa hoạt động cũng sẽ tạo ra rất nhiều lợi ích cho doanh nghiệp, giúp họ tiếp cận tốt hơn với hàng hóa và dịch vụ công, cơ sở hạ tầng, có tập khách hàng lớn hơn, hoạt động chuyên nghiệp hơn, đặc biệt là có điều kiện để xây dựng nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai (García-Herrero, Gavilá, & Santabábara, 2009).

Đối với các hộ kinh doanh hay doanh nghiệp vừa và nhỏ, do các điều kiện về vốn, công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo còn nhiều hạn chế, để xây dựng nền tảng vững chắc, duy trì lợi thế cạnh tranh, cần có chiến lược và định hướng thị trường sớm (Trương Đức Thao & Nguyễn Đức Xuân, 2020), cần tạo lập các nguồn vốn tri thức phục vụ cho hoạt động đổi mới sáng tạo để duy trì năng lực cạnh tranh của mình (Lê Anh Hưng, 2021).

Hầu hết các chính phủ đều coi các doanh nghiệp vừa và nhỏ tư nhân quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế, phân phối thu nhập và tạo việc làm (Ayyagari, Demircuc-Kunt & Maksimovic, 2014). Ở Việt Nam, các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm đa số trong nền kinh tế, đặc biệt là phần lớn trong số các doanh nghiệp đó thuộc khu vực tư nhân (Thao & Phuong, 2022). Tuy nhiên, các doanh nghiệp vừa và nhỏ thường chỉ tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng thấp. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ lại hoạt động trong nền kinh tế phi chính thức, việc này khiến cho khả năng mở rộng quy mô khó khăn, mức độ tăng trưởng thấp, giá trị thương hiệu bị đe dọa, khả năng tiếp cận tín dụng cũng khó khăn, và quyền lợi của người lao động, do làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức, bị ảnh hưởng. Chính phủ hiện đang thực hiện nhiều biện pháp thúc đẩy thành lập mới doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức hoạt động từ phi chính thức sang chính thức (Thao & Phuong, 2022), và tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ (Lê Anh Hưng, 2021).

Từ những vấn đề đặt ra ở trên, tác giả đặt ra câu hỏi, vai trò của việc chính thức hóa hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam có ảnh hưởng như thế nào đối với kết quả đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, để qua đó tạo lợi thế cạnh tranh khác biệt cho doanh nghiệp, và xây dựng nền tảng phát triển bền vững. Theo đó, bài viết được tiến hành bằng việc trình bày dữ liệu và phương pháp nghiên cứu; đưa ra những phát hiện chính về các tác động khác nhau của việc chính thức hóa ảnh hưởng đến kết quả đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; cuối cùng, tác giả đề xuất các hàm ý quản lý dựa trên những phát hiện trong kết quả dữ liệu phân tích được.

2. Nguồn số liệu và phương pháp luận

2.1. Nguồn số liệu

Dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu này được trích xuất từ ba cuộc điều tra của các doanh nghiệp sản xuất tư nhân vừa và nhỏ trong các năm 2011, 2013 và 2015. Các cuộc khảo sát được tiến hành bởi Viện Khoa học Lao động và Xã hội (ILSSA), Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) và Đại học Copenhagen, Đan Mạch. Cuộc khảo sát được thực hiện ở mười tỉnh trong ba miền của Việt Nam: miền Bắc, Trung và Nam bao gồm 9 tỉnh gồm Hà Nội (bao gồm cả Hà Tây cũ), Hải Phòng, Phú Thọ, Nghệ An, Quảng Nam, Khánh Hòa, Long An, Lâm Đồng và Hồ Chí Minh. Mẫu điều tra ngẫu nhiên ở mỗi tỉnh đại diện cho doanh nghiệp ở các ngành sản xuất chính bao gồm chế biến và chế tạo máy móc, thực phẩm, sản phẩm gỗ, nông lâm ngư nghiệp và các ngành khác. Các số liệu ban đầu với hơn 2.500 trong năm 2011, 2013 và 2015 (CIEM, 2011, 2013, 2015). Bộ dữ liệu là dữ liệu mảng của các SME sản xuất tư nhân, bao gồm tất cả các lĩnh vực sản xuất chính, chứa thông tin chính về hoạt động đổi mới sáng tạo, tình trạng chính thức hóa của

doanh nghiệp và các đặc điểm của doanh nghiệp. Những thông tin đầy đủ này cho phép nghiên cứu xem xét vai trò của tình trạng chính thức hóa đến hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ. Các dữ liệu về đổi mới sáng tạo được phân chia thành các nhóm, từ kết quả đổi mới sáng tạo tổng thể, đổi mới sản phẩm giới thiệu ra thị trường, đổi mới sáng tạo bằng cách nâng cấp sản phẩm, hoặc thực hiện nâng cấp quy trình và công nghệ sản xuất.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng, trong đó phương pháp nghiên cứu định lượng là phương pháp nghiên cứu chủ đạo. Nghiên cứu định tính được sử dụng cho việc tổng hợp và xem xét các khái niệm, thành phần lý thuyết như: vai trò của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nền kinh tế, quá trình chuyển đổi hoạt động từ phi chính thức sang chính thức của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các lợi ích đạt được khi doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động chính thức hóa, và mối quan hệ của nó với kết quả đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Trên cơ sở khung lý thuyết được xây dựng bởi kết quả nghiên cứu định tính, tác giả tiến hành khai thác dữ liệu thứ cấp để thực hiện nghiên cứu định lượng, thông qua việc xác định mối quan hệ giữa tình trạng chính thức hóa và hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp. Để đánh giá tác động của tình trạng chính thức hóa đến hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, mô hình dựa trên các nghiên cứu trước đây, ví dụ (Rand & Torm, 2012), từ đó ta có:

$$Y_{it} = \alpha_1 + \alpha_2 * C_{it} + \alpha_3 * X_{it} + \alpha_4 * Z_{it} + v \quad (1)$$

Trong đó:

Y_{it} là biến phụ thuộc, bao gồm hoạt động đổi mới sáng tạo như hoạt động giới thiệu sản phẩm mới (Cải tiến 1), thực hiện nâng cấp sản phẩm (Cải tiến 2), hoặc thực hiện nâng cấp quy trình (Cải tiến 3); và công nghệ sản xuất (Cải tiến 4).

C_{it} : đo lường tình trạng chính thức hóa của doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ.

X_{it} : là véc tơ bao gồm các đặc điểm của doanh nghiệp như quy mô doanh nghiệp (số lao động); tuổi doanh nghiệp (số năm hoạt động); hoạt động xuất khẩu; trả phí phi chính thức; chủ doanh nghiệp là Đảng viên, và doanh nghiệp là thành viên các hội kinh doanh.

Z_{it} : là các biến phân loại về đặc điểm về ngành (công nghệ thấp, cao và trung bình) và biến giả thời gian để kiểm soát các nhân tố không quan sát được theo thời gian có ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp.

Dựa vào bộ số liệu trên, tác giả tiến hành ước lượng mô hình bằng phương pháp hồi quy tuyến tính theo phương trình toán học đã xây dựng để xác định mức độ và chiều hướng tác động của tình trạng chính thức hóa đến hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp. Theo đó, trong nghiên cứu này, tác giả sẽ đồng thời xem xét tác động của tình trạng chính thức hóa đối với hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp ở góc độ tổng thể và chi tiết từng thành phần của đổi mới sáng tạo sản phẩm (hoạt động giới thiệu sản phẩm mới (Cải tiến 1), thực hiện nâng cấp sản phẩm (Cải tiến 2), hoặc thực hiện nâng cấp quy trình (Cải tiến 3) và công nghệ sản xuất (Cải tiến 4).

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Ảnh hưởng của tình trạng chính thức hóa đối với hoạt động cải tiến tổng thể

Kết quả phân tích hồi quy ở các Bảng 1, 2, 3 và 4 cho thấy, nhìn chung, các doanh nghiệp chính thức hóa đều có khả năng đổi mới sáng tạo cao hơn so với các doanh nghiệp chưa chính thức hóa. Kết quả này là nhất quán ngay cả khi mô hình kiểm soát các đặc điểm quan trọng của doanh nghiệp như quy mô, số năm thành lập, trình độ công nghệ, và vốn xã hội của doanh nghiệp có sự khác nhau. Ví dụ, kết quả Bảng 1 cho thấy, các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ hoạt động chính thức hóa có khả năng sáng tạo cao hơn 14% so với các doanh nghiệp chưa chính thức hóa. Trong đó, quy mô công ty tác động tích cực đến quá trình chuyển đổi từ phi chính thức sang chính thức; các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất khẩu sẽ thúc đẩy quá trình này mạnh mẽ hơn; các doanh nghiệp là thành viên hiệp hội kinh doanh sẽ có xu hướng chuyển đổi tích cực hơn các doanh nghiệp mà người đứng đầu là Đảng viên; và các doanh nghiệp có công nghệ thấp, lạc hậu sẽ cản trở quá trình chính thức hóa, và qua đó tác động tiêu cực đến kết quả đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ của Việt Nam. Điều này là dễ hiểu, bởi vì việc kinh doanh phi chính thức bị bó hẹp bởi quy mô lao động, quy mô vốn..., do vậy, khi tăng quy mô hoạt động sẽ tạo sức ép để các doanh nghiệp tiến hành chuyển đổi; tương tự, các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu hoặc đơn giản là tham gia các hoạt động thương mại đối với khách hàng doanh nghiệp thì các vấn đề về hợp đồng, hóa đơn, thuế... cũng rất được quan tâm, dẫn đến các doanh nghiệp này cũng cần chuyển đổi; cuối cùng, các doanh nghiệp có công nghệ hiện đại sẽ tạo điều kiện tốt cho các hoạt động đổi mới sáng tạo và tăng quy mô thị trường, mở rộng các hoạt động sản xuất, khi đó sẽ có mức độ chuyển đổi mạnh mẽ hơn, và ngược lại. Như vậy, quá trình chuyển đổi từ phi chính thức sang chính thức càng nhanh thì kết quả đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ ở nước ta sẽ càng mạnh mẽ, và các doanh nghiệp có các đặc điểm khác nhau sẽ thúc đẩy quá trình chuyển đổi khác nhau, qua đó sẽ gián tiếp tác động đến kết quả đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp này.

Bảng 1: Ảnh hưởng của tình trạng chính thức hóa đối với hoạt động cải tiến tổng thể

Biến giải thích	ĐMST	ĐMST	ĐMST	ĐMST
	(1) Giới thiệu SP mới	(2) Nâng cấp sản phẩm	(3) Giới thiệu quy trình mới	(4) Giới thiệu công nghệ mới
Tình trạng chính thức hóa	0,140*** (0,013)	0,143*** (0,014)	0,103*** (0,014)	0,105*** (0,014)
Quy mô doanh nghiệp			0,001*** (0,000)	0,001*** (0,000)
Tuổi doanh nghiệp			-0,001 (0,001)	-0,001 (0,001)
Hoạt động xuất khẩu			0,110*** (0,028)	0,108*** (0,029)

Trả phí phi chính thức			0,009	0,010
			(0,013)	(0,013)
Chủ doanh nghiệp là Đảng viên			0,007	0,006
			(0,021)	(0,022)
Doanh nghiệp là thành viên các hội kinh doanh			0,094***	0,092***
			(0,024)	(0,024)
Công nghệ thấp			-0,115***	-0,113***
			(0,019)	(0,019)
Công nghệ trung bình			-0,086***	-0,084***
			(0,020)	(0,021)
Số quan sát	5.400	5.400	5.381	5.381
Chú ý: Biến phụ thuộc là hoạt động đổi mới sáng tạo tổng thể, sai số tiêu chuẩn trong dấu ngoặc đơn, mô hình cũng được kiểm soát đối với biến giả năm *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$, * $p < 0,1$. Có báo cáo các ảnh hưởng biên. Doanh nghiệp công nghệ cao là phạm trù cơ sở. - ĐMST: Đổi mới sáng tạo.				

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả dựa trên bộ dữ liệu được công bố bởi CIEM các năm 2011, 2013, 2015.

3.2. Ảnh hưởng của tình trạng chính thức hóa đối với hoạt động giới thiệu sản phẩm mới trên thị trường

Kết quả dữ liệu trong Bảng 2 cho thấy, các doanh nghiệp chính thức hóa sẽ tác động tích cực đến khả năng đổi mới sáng tạo trong giới thiệu sản phẩm mới trên thị trường nhiều hơn so với các doanh nghiệp phi chính thức (4,3%). Tuy nhiên, có thể thấy sự khác biệt này là khá thấp, và các biến về đặc điểm doanh nghiệp, đặc điểm ngành nghề cũng không có tác động rõ rệt đến hoạt động giới thiệu sản phẩm mới, bất kể doanh nghiệp hoạt động chính thức hay phi chính thức. Thực vậy, hoạt động giới thiệu sản phẩm mới ra thị trường, về bản chất, là kết quả cuối cùng của quá trình đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp mà không phải các hoạt động tạo sự cải tiến hay đổi mới ở chiều sâu bên trong tổ chức, điều này cho thấy hoạt động giới thiệu sản phẩm mới ra thị trường là giống nhau ở các doanh nghiệp và ngành nghề khác nhau. Bên cạnh đó, kết quả Bảng 2 cũng cho thấy, những doanh nghiệp có nền tảng công nghệ lạc hậu sẽ làm cho tình trạng chính thức hóa tác động tiêu cực đến hoạt động giới thiệu sản phẩm mới trên thị trường. Điều này có nghĩa là, với những ngành kinh doanh mà yếu tố công nghệ quyết định việc đổi mới sáng tạo sản phẩm thì việc các doanh nghiệp chậm trễ trong đổi mới, cải tiến công nghệ sẽ dẫn đến việc các sản phẩm trở nên kém cạnh tranh.

Bảng 2: Ảnh hưởng của tình trạng chính thức hóa đối với hoạt động giới thiệu sản phẩm mới trên thị trường

Biến giải thích	ĐMSTSP	ĐMSTSP	ĐMSTSP	ĐMSTSP
	(1)	(2)	(3)	(4)
	Giới thiệu SP mới	Nâng cấp sản phẩm	Giới thiệu quy trình mới	Giới thiệu công nghệ mới

Tình trạng chính thức hóa	0,043*** (0,008)	0,043*** (0,008)	0,044*** (0,008)	0,045*** (0,009)
Quy mô doanh nghiệp			0,000 (0,000)	0,000 (0,000)
Tuổi doanh nghiệp			0,001*** (0,000)	0,001*** (0,000)
Hoạt động xuất khẩu			0,007 (0,014)	0,007 (0,014)
Trả phí phi chính thức			-0,019*** (0,007)	-0,019*** (0,007)
Chủ doanh nghiệp là Đảng viên			0,007 (0,011)	0,007 (0,011)
Doanh nghiệp là thành viên các hội kinh doanh			0,007 (0,012)	0,007 (0,012)
Công nghệ thấp			-0,023** (0,010)	-0,022** (0,010)
Công nghệ trung bình			-0,012 (0,010)	-0,012 (0,010)
Số quan sát	5.400	5.400	5.381	5.381
Chú ý: Biến phụ thuộc là hoạt động đổi mới giới thiệu sản phẩm mới trên thị trường, sai số tiêu chuẩn trong dấu ngoặc đơn, mô hình cũng được kiểm soát đối với biến giả năm *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$, * $p < 0,1$. Các ảnh hưởng biên được báo cáo. Doanh nghiệp công nghệ cao là phạm trù cơ sở. - ĐMSTSP: Đổi mới sáng tạo sản phẩm.				

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả dựa trên bộ dữ liệu được công bố bởi CIEM các năm 2011, 2013, 2015

3.3. Ảnh hưởng của tình trạng chính thức hóa đến hoạt động đổi mới sản phẩm hiện có

Ở một chiều hướng khác, xét về nội hàm của hoạt động đổi mới sáng tạo sản phẩm đó là đổi mới các sản phẩm hiện có, các doanh nghiệp chính thức hóa sẽ tác động tích cực đến đổi mới sản phẩm hiện có hơn là các doanh nghiệp phi chính thức và cao hơn ở mức 11%. Theo nghiên cứu của Lê Anh Hưng (2021), của Nhâm Phong Tuân (2016) thì các doanh nghiệp có kết quả đổi mới sáng tạo sản phẩm tốt khi có khả năng tích lũy và khai thác tốt các nguồn vốn tri thức, muốn vậy, doanh nghiệp cần có cơ cấu tổ chức và quy trình hoạt động chặt chẽ để đảm bảo sự liên tục và phong phú của các tài sản tri thức (Lê Anh Hưng, 2021; Nhâm Phong Tuân, 2016). Điều này chỉ có được khi các doanh nghiệp hoạt động dưới dạng chính thức hóa. Trong nội dung này, cũng phát hiện, các doanh nghiệp thuộc ngành có công nghệ chậm tiến, lạc hậu thì sẽ tác động tiêu cực đến đổi mới các sản phẩm hiện có, và các doanh nghiệp tham gia vào các hiệp hội kinh doanh sẽ tác động tích cực đến hoạt động này.

Bảng 3: Ảnh hưởng của tình trạng chính thức hóa đến hoạt động đổi mới sản phẩm hiện có

Biến giải thích	ĐMSPHC	ĐMSPHC	ĐMSPHC	ĐMSPHC
	(1) Giới thiệu SP mới	(2) Nâng cấp sản phẩm	(3) Giới thiệu quy trình mới	(4) Giới thiệu công nghệ mới
Tình trạng chính thức hóa	0,110*** (0,012)	0,112*** (0,013)	0,072*** (0,013)	0,073*** (0,013)
Quy mô doanh nghiệp			0,001*** (0,000)	0,001*** (0,000)
Tuổi doanh nghiệp			-0,002*** (0,001)	-0,002*** (0,001)
Hoạt động xuất khẩu			0,102*** (0,024)	0,098*** (0,025)
Trả phí phi chính thức			0,013 (0,012)	0,015 (0,012)
Chủ doanh nghiệp là thành viên Đảng cộng sản			0,015 (0,019)	0,015 (0,019)
Doanh nghiệp là thành viên các hội kinh doanh			0,075*** (0,021)	0,071*** (0,021)
Công nghệ thấp			-0,116*** (0,016)	-0,114*** (0,017)
Công nghệ trung bình			-0,084*** (0,018)	-0,081*** (0,018)
Số quan sát	5.400	5.400	5.381	5.381
Chú ý: Biến phụ thuộc là hoạt động đổi mới sản phẩm hiện có, sai số tiêu chuẩn trong dấu ngoặc đơn, mô hình cũng được kiểm soát đối với biến giả năm *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$, * $p < 0,1$. Các ảnh hưởng biên được báo cáo. Doanh nghiệp công nghệ cao là phạm trù cơ sở. - ĐMSPHC: Đổi mới sản phẩm hiện có.				

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả dựa trên bộ dữ liệu được công bố bởi CIEM các năm 2011, 2013, 2015.

3.4. Ảnh hưởng của tình trạng chính thức hóa đến hoạt động đổi mới công nghệ và quy trình

Tương tự như đổi mới sáng tạo sản phẩm hiện có, mức độ chính thức hóa cũng có tác động tích cực đến kết quả hoạt động đổi mới sáng tạo công nghệ và quy trình hơn các doanh nghiệp hoạt động phi chính thức (5,5%). Trong khía cạnh này, các doanh nghiệp trong ngành có công nghệ thấp và trung bình vẫn tác động tiêu cực đến hoạt động đổi mới công nghệ và quy trình, tuy nhiên khác với các khía cạnh trên, các doanh nghiệp trong ngành có công nghệ trung bình sẽ cản trở mạnh hơn các doanh nghiệp trong ngành có công

nghe thấp. Điều này là rất dễ hiểu, bởi với các doanh nghiệp có công nghệ thấp thì sức ép đổi mới sẽ mạnh mẽ hơn. Rất nhiều các nghiên cứu ở cả trong và ngoài nước đều nhấn mạnh đổi mới sáng tạo quy trình có tác động mạnh đến kết quả đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp (Barbieri, Buonomo, Farnese, & Benevene, 2021; Beltramino, García-Perez-de-Lema, & Valdez-Juárez, 2020; Lê Anh Hưng, 2021; Nhâm Phong Tuấn, 2016)... Và các nghiên cứu đều có xu hướng cho rằng, việc sản xuất của doanh nghiệp cần được tổ chức theo quy trình chặt chẽ, thiết kế linh hoạt và có tổ chức, điều này sẽ tốt hơn nếu doanh nghiệp hoạt động chính thức hóa.

Bảng 4: Ảnh hưởng của tình trạng chính thức hóa đến hoạt động đổi mới công nghệ và quy trình

Biến giải thích	ĐMSTQT (1) Giới thiệu SP mới	ĐMSTQT (2) Nâng cấp sản phẩm	ĐMSTQT (3) Giới thiệu quy trình mới	ĐMSTQT (4) Giới thiệu công nghệ mới
Tình trạng chính thức hóa	0,055*** (0,009)	0,055*** (0,009)	0,036*** (0,009)	0,036*** (0,009)
Quy mô doanh nghiệp			0,001*** (0,000)	0,001*** (0,000)
Tuổi doanh nghiệp			-0,001* (0,000)	-0,001* (0,000)
Hoạt động xuất khẩu			0,027* (0,015)	0,028* (0,015)
Trả phí phi chính thức			0,013* (0,007)	0,012* (0,007)
Chủ doanh nghiệp là thành viên Đảng cộng sản			-0,002 (0,012)	-0,000 (0,013)
Doanh nghiệp là thành viên các hội kinh doanh			0,037*** (0,013)	0,036*** (0,013)
Công nghệ thấp			-0,007 (0,011)	-0,007 (0,011)
Công nghệ trung bình			-0,024** (0,012)	-0,024* (0,012)
Số quan sát	5.400	5.400	5.381	5.381
Chú ý: Biến phụ thuộc là hoạt động đổi mới công nghệ và quy trình, sai số tiêu chuẩn trong dấu ngoặc đơn, mô hình cũng được kiểm soát đối biến giả năm *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$, * $p < 0,1$. Có báo cáo các ảnh hưởng biên. Doanh nghiệp công nghệ cao là phạm trù cơ sở. - ĐMSTQT: Đổi mới sáng tạo quy trình.				

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả dựa trên bộ dữ liệu được công bố bởi CIEM các năm 2011, 2013, 2015.

4. Một số kiến nghị và khuyến nghị

4.1. Kiến nghị với Nhà nước

Nhà nước cần điều chỉnh chính sách hỗ trợ doanh nghiệp: hình thức hỗ trợ, cách thức hỗ trợ, chia sẻ thông tin... Dường như các doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận và hưởng lợi từ những hình thức hỗ trợ của Nhà nước. Phần lớn doanh nghiệp không tiếp cận được các hoạt động hỗ trợ của Nhà nước do thiếu thông tin: chưa biết tới hình thức hỗ trợ của Nhà nước, không có thông tin về đầu mối để kết nối... Không ít doanh nghiệp cho rằng, các hình thức hỗ trợ của Nhà nước mà cuộc điều tra đưa ra không liên quan đến các nhu cầu của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Nhà nước nên có những chính sách hỗ trợ tập trung hơn với nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ, bởi số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm tỷ lệ rất cao ở nước ta, cùng với số lượng hơn 3.000 doanh nghiệp khởi nghiệp với mức độ sáng tạo rất cao cần được hỗ trợ kịp thời. Chính phủ cần xây dựng các quy định về hành chính, thuế và lao động, tiếp cận với phúc lợi xã hội và các chiến lược phát triển khu vực tư nhân, bên cạnh việc nâng cấp cơ sở hạ tầng và các hệ thống giao thông. Các chính sách cũng cần đặt ra các chiến lược để tăng năng suất, cải thiện các quy tắc và quy định, tạo động lực cho các doanh nghiệp hướng tới việc chính thức hóa và nâng cao năng lực của Chính phủ nhằm đảm bảo việc tuân thủ.

Cùng với việc ban hành chính sách thúc đẩy chuyển đổi hoạt động chính thức, Chính phủ cần xây dựng các chương trình đào tạo nhằm đào tạo, bồi dưỡng các chủ thể kinh doanh để họ tiếp cận với các quy định mới, các thủ tục cần thiết phải làm để có thể chuyển đổi hình thức hoạt động từ phi chính thức sang chính thức hóa.

Xây dựng chính sách khuyến khích về mặt tài chính, như có các ưu đãi về vốn vay (thời gian vay, quy mô vay, hình thức vay, mức lãi suất...); xây dựng các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ chuyển đổi hình thức hoạt động tại tất cả các cấp từ trung ương đến địa phương.

4.2. Khuyến nghị đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ cần tập trung tạo lập các chuỗi giá trị cung ứng đầu vào và phân phối đầu ra gắn với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đa quốc gia, bởi khi tham gia vào các chuỗi này, các doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ có điều kiện học hỏi kinh nghiệm quản lý, chiến lược sản xuất kinh doanh, đầu tư cho đổi mới sáng tạo... Bên cạnh đó, các yêu cầu về đầu vào và phân phối đầu ra một cách khắt khe của các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đa quốc gia, sẽ tạo ra sức ép lớn để thúc đẩy doanh nghiệp vừa và nhỏ đẩy nhanh quá trình chuyển đổi hoạt động từ phi chính thức sang chính thức hóa.

Các doanh nghiệp chú trọng đầu tư máy móc, thiết bị, hàng hóa đã gắn liền công nghệ mới cũng như nâng cấp, chỉnh sửa công nghệ, thiết bị hiện đại. Điều đó cho thấy doanh nghiệp rất ý thức trong việc tìm kiếm giải pháp hiện đại hóa thiết bị, máy móc, công nghệ. Tuy nhiên, các doanh nghiệp không mặn mà với việc nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ khác, thậm chí là từ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, các viện nghiên cứu. Dường như công nghệ được chuyển giao từ các tổ chức khoa học và công nghệ không có đủ uy tín đối với doanh nghiệp, hoặc doanh nghiệp

không dễ dàng tiếp cận và nhận chuyển giao công nghệ từ những đơn vị này. Đây là vấn đề cần được làm rõ nhằm có những phương án thỏa đáng hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo.

Để phát triển công nghệ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tập trung sức mạnh và khai thác nguồn lực chung thông qua thành lập hoặc tham gia vào các hiệp hội nhằm đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Đặc biệt, có thể thành lập bộ phận nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cũng như lập quỹ phát triển khoa học công nghệ.

Doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng nên tham gia mạnh mẽ vào các mô hình hợp tác “Đại học - Doanh nghiệp”. Việc tham gia vào các mô hình hợp tác này sẽ giúp doanh nghiệp vừa và nhỏ có khả năng khai thác năng lực nghiên cứu từ đội ngũ giảng viên, nhà nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu.

Cuối cùng, chính thức hóa hoạt động là một quá trình chuyển đổi có tính chất dài hạn, không phải đơn thuần là một quyết định về mặt hành chính. Vì vậy, chính thức hóa chỉ có thể thành công và đạt được các lợi ích to lớn của nó đối với kết quả đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khi nhận được sự quan tâm, nhận thức đúng đắn, và quyết tâm mạnh mẽ của những người đứng đầu doanh nghiệp vừa và nhỏ. Việc thực hiện này phải nhất quán từ ý chí của người đứng đầu đến niềm tin của các thành viên trong doanh nghiệp, và lan tỏa điều này đến các đối tác trong hoạt động kinh doanh của mình.

5. Kết luận

Ở Việt Nam, đã có nhiều tài liệu của quản lý nhà nước, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, các tài liệu của các sở, ban, ngành từ Trung ương đến địa phương nhấn mạnh về vai trò, lợi ích của việc chuyển đổi hình thức hoạt động từ phi chính thức sang chính thức. Các doanh nghiệp hoạt động chính thức hóa sẽ đạt được nhiều lợi ích khác nhau như mở rộng quy mô hoạt động, tăng số lượng lao động, tăng khả năng huy động vốn, được bảo hộ về thương hiệu trên một phạm vi rộng hơn... Trong những năm gần đây, một số nghiên cứu ở trong nước đề cập đến tác động của việc chính thức hóa đối với khả năng tiếp cận vốn vay, tác động của chính thức hóa đối với tiếp cận tín dụng theo thời gian và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp (Thao & Phuong, 2022). Bên cạnh đó, số ít các nghiên cứu đề cập đến các nhân tố tác động đến đổi mới sáng tạo, kết quả đổi mới sáng tạo, và xem kết quả đổi mới sáng tạo như một phần kết quả hoạt động của doanh nghiệp; các nhân tố đó thường là các thành phần của vốn tri thức, quản trị đổi mới sáng tạo..., và thường gắn với đối tượng doanh nghiệp có quy mô lớn, thời gian hoạt động dài, dữ liệu dựa trên kết quả khảo sát đại diện doanh nghiệp, và không phân biệt doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công hay tư (Lê Anh Hưng, 2021). Do vậy, nghiên cứu này lần đầu tiên tiếp cận xem xét tác động của việc chính thức hóa hoạt động của doanh nghiệp tư nhân loại vừa và nhỏ đến kết quả đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, và xem xét đến các yếu tố như quy mô, thời gian, đặc điểm doanh nghiệp, đặc điểm ngành/lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu khẳng định, các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ chính thức hóa đều có khả năng đổi mới sáng tạo cao hơn so với các doanh nghiệp chưa chính thức hóa. Kết quả này là nhất quán ở các doanh nghiệp khác nhau về quy mô, số năm thành lập, trình độ công nghệ, và vốn xã hội

của doanh nghiệp. Kết quả này có ý nghĩa cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoạch định chính sách và các giải pháp nhằm tăng cường việc chuyển đổi các hình thức kinh doanh phi chính thức sang hoạt động chính thức hóa.

Tài liệu tham khảo

1. CIEM (2011), *Khảo sát các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, Viện Kinh tế & Quản lý Kinh tế Trung ương, Hà Nội.
2. CIEM (2013), *Khảo sát các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, Viện Kinh tế & Quản lý Kinh tế Trung ương, Hà Nội.
3. CIEM, (2015), *Khảo sát các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, Viện Kinh tế & Quản lý Kinh tế Trung ương, Hà Nội.
4. Lê Anh Hưng (2021), *Tác động của Vốn tri thức đến Đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Trương Đức Thao và Nguyễn Đức Xuân (2020), “Thực trạng định hướng thị trường và mối quan hệ tác động đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, 12 (511).
6. Nhâm Phong Tuân (2016), *Phân tích đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Ayyagari, M., Demircuc-Kunt, A., & Maksimovic, V. (2014), Who creates jobs in developing countries? *Small Business Economics*, 43(1).
8. Barbieri, B., Buonomo, I., Farnese, M. L., & Benevene, P. (2021), “Organizational Capital: A Resource for Changing and Performing in Public Administrations”, *Sustainability*, 13(10).
9. Beltramino, N. S., García-Perez-de-Lema, D., & Valdez-Juárez, L. E. (2020), “The structural capital, the innovation and the performance of the industrial SMES”, *Journal of Intellectual Capital*, 21(6).
10. Cling, J. P., Razafindrakoto, M., & Roubaud, F. (2012), “To be or not to be registered? Explanatory factors behind formalizing non-farm household businesses in Vietnam”, *Journal of the Asia Pacific Economy*, 17(4).
11. Crossan, M. M., & Apaydin, M. (2010), “A Multi-Dimensional Framework of Organizational Innovation: A Systematic Review of the Literature”, *Journal of Management Studies*, 47 (6).
12. García-Herrero, A., Gavilá, S., & Santabàrbara, D. (2009), “What explains the low profitability of Chinese banks?”, *Journal of Banking & Finance*, 33 (11).
13. Jassawalla, A. R., & Sashittal, H. C. (1998), “An examination of collaboration in high-technology new product development processes”, *Journal of Product Innovation Management: An international publication of the product development & management association*, 15 (3).
14. Prajogo, D. I., & Ahmed, P. K. (2006), “Relationships between innovation stimulus, innovation capacity, and innovation performance”, *R & D Management*, 36 (5).
15. Rand, J., & Torm, N. (2012), “The benefits of formalization: Evidence from Vietnamese manufacturing SMEs”, *World Development*, 40 (5).
16. Subramaniamand, M., & Youndt, M. A. (2005), “The influence of intellectual capital on the types of innovative capabilities”, *Academy Manage Journal*, 48 (3).
17. Thao, T. D., & Phuong, B. C. (2022), “The lasting effect of formalization on credit access: The evidence from Vietnamese private SMEs”, *Finance Research Letters*, 47 (PB).